

BỘ NỘI VỤ
TY CÔNG AN PHÚ-KHÁNH
Số: 400 VP/TOA

CỘNG-HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM
Độc-Lập, Dân-Chủ, Hòa-Bình, Trung-Lập

/ (Ngày 19 tháng 4 năm 1976

PH Đ N H T H A
(Thay giấy đi đường)

TY CÔNG AN TỈNH PHÚ-KHÁNH

Căn cứ vào quyết định miễn tố số ngày tháng năm 1976.
Đối với bị can :

Căn cứ vào pháp luật hiện hành.

R A L E N H T H A

Họ và tên : PHẠM-VĂN-QUÂN Tuổi

Sinh ngày: 17 tháng 4 năm 1942

Sinh quán: Xuân-Hòa, Ninh-Hòa

Trú quán : Xuân-Hòa, Ninh-Hòa

Nghề nghiệp : Giáo viên Tên giáo:

Cam tọng : Trung úy biệt phái của ngày quyền Sài Gòn.

Bị bắt ngày : 22 / 7 / 1975

Ra lệnh cho đường sự phải trở về nơi trú quán: Xuân-Hòa, Ninh-Hòa trong thời gian nhất ngày. Nếu không thi hành, đi sai sự cho phép của Ty Công An, thì yêu cầu các cơ quan bắt giữ và xử lý theo pháp luật.

Và đến địa phương phải xuất trình giấy tờ và chịu sự quản lý của chính quyền địa phương.

Quảng thực:

Ông Phạm-văn-Quân có trình giấy
tại xã chúng tôi.

/ (inn-Phụng, ngày 19 tháng năm 1976

T. H U X B A I X A

CHỦ-TỊCH

(đã ký tên và đóng dấu)

NGUYỄN-THỊ-HÀ

TY CÔNG AN TỈNH PHÚ-KHÁNH

PHÓ TRƯỞNG TY

(đã ký tên và đóng dấu)

MẠNH-HÙNG-THIÊN

S A O

/ (inh-Phụng, ngày 12 tháng 5 năm 1976

Đã chủ



Nguyễn-Tiến

QUESTIONNAIRE FOR EX. PRISONER IN VIETNAM

I- BASIS INFORMATION ON APPLICANTS IN VIETNAM:

1- Full name of ex. political prisoner: PHAM VAN QUAN

2- Date/Place of birth: 17-4-1942, Thôn Xuân hòa, Xã Ninh Phụng, huyện Ninh hòa, Tỉnh Phú Khánh.

3- Position/Rank (Before April 75) and Military SN: Trung Úy, Sĩ Quan Trại Y. Tiểu Đoàn 23 Quân Y - Ban Mê Thuột

4- Month/Date/Year Arrested: 22-7-1975.

5- Month/Date/Year out of camp: 19-4-1976 - Certificate NO: 400/VP/TCA

6- Photocopy of your release certificate: Date on: Giấy này bị rách.

7- Present mailing address of ex. political prisoner: Đội I - Thôn Xuân hòa, Xã Ninh Phụng-huyện Ninh hòa, Tỉnh Phú Khánh-Việt Nam.

8- Current occupation: thợ sửa xe gỗ.

II- LIST FULL NAME, DATE, PLACE OF BIRTH OF EX. POLITICAL PRISONER:

A.- RELATIVE TO ACCOMPANY WITH EX. POLITICAL PRISONER TO BE CONSIDERED FOR U.S. COUNTRY:

Name	Date of birth	Place of birth	Sex	Married	Relationship
LÊ THỊ THÂN	13-03-1944	Xuân hòa-NinhPhụng	Nữ	Single	Vợ
PHẠM LÊ THANH HẢO	23- 9-1966	Ninh hòa-PhướcKhánh	Nữ	Độc thân	Con
PHẠM LÊ HỮU QUANG	04-02-1965	(như trên)	Nam	Độc thân	Con
PHẠM LÊ THANH HÀ	03- 7-1972	(như trên)	Nữ	Độc thân	Con
PHẠM LÊ THANH HUYỀN	17- 5-1983	(như trên)	Nữ	Độc thân	Con

B.- COMPLETE FAMILY LISTING (living/dead) OF EX. POLITICAL PRISONER:

Name	Date of birth	Place of birth	Living	Address
(Cha) PHẠM QUÝ	1921	Xuân hòa-NinhPhụng	Sống	Xuân hòa-NinhPhụng
(Mẹ) NGUYỄN THỊ QUỆT	1923	Xuân hòa-NinhPhụng	Chết	/
(Các em khác mẹ, cùng cha) :				
PHẠM THỊ HÒA	1949	Xuân hòa-NinhPhụng	Sống	Xuân hòa-NinhPhụng
PHẠM THỊ LỘC	1952	Ninh hòa-PhướcKhánh	Sống	Ninh hòa-PhướcKhánh
PHẠM VĂN LÊ	1954	(như trên)	Sống	(như trên)
PHẠM LÂN	1956	(như trên)	Sống	(như trên)
PHẠM ĐUY HỒNG	1961	(như trên)	Sống	(như trên)
PHẠM VĂN TRIỀU	1964	(như trên)	Sống	(như trên)

III-/ RELATIVE OUTSIDE VIETNAM:

A-/ CLOSEST RELATIVE IN U.S:

NAME : RELATIONSHIP : ADDRESSE

NO

B-/ CLOSEST RELATIVE IN OTHER COUNTRIES:

NAME : RELATIONSHIP : ADDRESSE

NO

IV-/ HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICATION FOR FAMILY REUNIFICATION UNTIL NOW?

YES

NO

NO

THESE APPLICATIONS HAVE REPLY FROM BANGKOK ORP, RELATION TO THE ORP

BANGKOK: YES

NO

NO

LOI

YES

NO

NO

V-/ COMPLETS, REMARKS:

1/- Xin vui lòng trả lời cho tôi biết, quý vị đã nhận được hồ sơ này chưa, theo địa chỉ ghi trên.

2/- Xin vui lòng cho biết rõ, thời gian cải tạo ngắn, có được giảm quyết không?

VI-/ PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE:

Bảng sao lệnh thả-01 bản.

VII-/ LIST OF RELATIVES (Living) OF POLITICAL REFUGEES:

NAME	DATE OF BIRTH	Living	Address
(Name) (Date)	1921	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1922	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1923	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1924	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1925	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1926	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1927	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1928	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1929	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1930	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1931	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1932	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1933	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1934	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1935	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1936	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1937	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1938	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1939	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1940	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1941	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1942	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1943	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1944	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1945	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1946	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1947	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1948	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1949	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1950	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1951	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1952	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1953	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1954	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1955	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1956	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1957	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1958	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1959	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1960	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1961	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1962	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1963	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1964	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1965	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1966	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1967	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1968	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1969	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1970	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1971	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1972	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1973	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1974	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1975	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1976	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1977	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1978	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1979	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1980	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1981	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1982	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1983	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1984	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1985	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1986	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1987	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1988	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1989	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1990	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1991	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1992	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1993	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1994	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1995	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1996	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1997	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1998	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	1999	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	2000	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	2001	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	2002	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	2003	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	2004	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	2005	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	2006	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	2007	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	2008	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	2009	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	2010	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	2011	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	2012	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	2013	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	2014	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	2015	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	2016	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	2017	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	2018	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	2019	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	2020	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	2021	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	2022	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	2023	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	2024	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	2025	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	2026	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	2027	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	2028	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	2029	Living	1000-1000, Hanoi
(Name) (Date)	2030	Living	1000-1000, Hanoi



From: Ông DHAM - V. QUANG - ĐỘI VIÊN
Xuân Hòa, Xã Ninh Hưng, Huyện Ninh
Hòa, Tỉnh Phú Yên 38/10/78

VIET NAM

BƯU CHÍNH
SỐ MÁY 5 5026

Kính gửi: ~~BA~~ KHUẾ MINH THU
BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205
0635
U.S.A.

CONTROL

_____ Card
_____ Doc. Request; Form
_____ Release Order
_____ Computer
_____ Form "D"
_____ ODP/Date _____
_____ Membership; Letter
